

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN CẨM PHẢ

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016



CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN CẨM PHẢ

Địa chỉ: Số 822 đường Trần Phú, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

MỤC LỤC

	Trang
1. Báo cáo của Ban Giám đốc	2 - 5
2. Báo cáo kiểm toán độc lập	6 - 7
3. Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	
- Bảng cân đối kế toán	8 - 9
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	10
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	11
- Thuyết minh Báo cáo tài chính	12 - 35

3134
CÔ
ẢCH N
P
VIỆ
VH XU

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN CẨM PHẢ

Địa chỉ: Số 822 đường Trần Phú, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Thiết bị điện Cẩm Phả (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Công ty đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên độc lập.

1. Thông tin chung

Công ty cổ phần Thiết bị điện Cẩm Phả được đổi tên từ Công ty cổ phần Thiết bị điện - Vinacomin, là công ty được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước theo Quyết định số 2065/QĐ-BCN ngày 9/8/2006 của Bộ trưởng bộ Công nghiệp.

Công ty được sở kế hoạch đầu tư tỉnh Quảng Ninh cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2203000751 đăng ký lần đầu ngày 2/1/2007. Trong quá trình hoạt động các nội dung thay đổi về cổ đông sáng lập, người đại diện theo pháp luật của công ty, mã số doanh nghiệp đã được sở kế hoạch đầu tư Quảng Ninh lần lượt chứng thực tại các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần với mã doanh nghiệp 5700353419 thay đổi lần lần thứ nhất ngày 9/12/2009 đến lần thứ 8 ngày 9/12/2016, theo đó vốn điều lệ của Công ty là 50.929.100.000 VND được chia thành 50.929.100 cổ phần.

2. Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

Hội đồng quản trị

Các thành viên của Hội đồng Quản trị Công ty đã điều hành hoạt động của Công ty trong suốt năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị như sau:

<u>Họ và tên:</u>	<u>Chức vụ:</u>	
- Ông Nguyễn Thành Biên	Chủ tịch (Từ ngày 11/06/2016)	(i)
- Ông Nguyễn Trọng Hùng	Ủy viên (Từ ngày 11/06/2016)	(i)
- Ông Vũ Huy Hoàng	Ủy viên	
- Bà Nguyễn Thị Nhung	Ủy viên	
- Ông Nguyễn Sơn Tùng	Ủy viên (Từ ngày 02/04/2016)	(ii)
- Ông Nguyễn Trọng Hướng	Ủy viên (Đến hết ngày 02/04/2016)	(iii)

(i) Ông Nguyễn Thành Biên được bổ nhiệm làm Chủ tịch Hội đồng quản trị kể từ ngày 11/8/2016 thay thế Ông Nguyễn Trọng Hùng (thuộc nhiệm kỳ 2012-2017), theo Nghị quyết số 138/NQ-HĐQT ngày 11/06/2016 của Hội đồng quản trị.

(ii) Ông Nguyễn Sơn Tùng được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị công ty từ ngày 02/4/2016 theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 ngày 2/4/2016.

(iii) Ông Nguyễn Trọng Hướng thôi là Ủy viên Hội đồng quản trị công ty từ ngày 2/4/2016 theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 ngày 2/4/2016.

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN CẨM PHẢ

Địa chỉ: Số 822 đường Trần Phú, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

Ban Giám đốc

Các thành viên của Ban Giám đốc Công ty đã điều hành hoạt động của Công ty trong suốt năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị như sau:

<u>Họ và tên:</u>	<u>Chức vụ:</u>	
- Ông Vương Hải Sơn	Giám đốc	(i)
- Ông Vũ Huy Hoàng	Giám đốc	(i)
- Ông Lê Anh Thúc	Phó Giám đốc	

- (i) Ông Vương Hải Sơn được giao giữ chức vụ Giám đốc, và là người đại diện theo pháp luật của công ty thay Ông Vũ Huy Hoàng kể từ ngày 16/02/2017 theo Quyết định số 438/QĐ-HĐQT ngày 15/2/2017.

Ban kiểm soát

Các thành viên Ban kiểm soát:

<u>Họ và tên:</u>	<u>Chức vụ:</u>
- Bà Đoàn Thị Hằng	Trưởng ban
- Ông Phạm Xuân Phong	Thành viên
- Ông Nguyễn Đức Tuyển	Thành viên

3. Trụ sở

Công ty có trụ sở chính tại số 822 đường Trần Phú, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh.

4. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh

Chi tiết tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đã được kiểm toán đính kèm.

5. Các sự kiện quan trọng phát sinh trong niên độ

- Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 ngày 2/4/2016, Đại hội cổ đông đã thống nhất thông qua việc đổi tên công ty, theo đó công ty cổ phần Thiết bị điện - Vinacomin được đổi tên thành công ty cổ phần Thiết bị điện Cẩm Phả và hoàn tất việc đăng ký thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần (thay đổi lần thứ 7 ngày 13/4/2016).
- Ngày 22/9/2016, Ủy ban chứng khoán Nhà nước thông báo đã nhận được Báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu của Công ty. Theo đó công ty phát hành thêm 857.997 cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu tại ngày chốt danh sách cổ đông từ nguồn vốn khác của chủ sở hữu và quỹ đầu tư phát triển theo tỷ lệ 100:39, nghĩa là tại ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền, cổ đông sở hữu 100 cổ phiếu sẽ được hưởng quyền nhận 39 cổ phiếu phát hành thêm. Phương án phát hành này được phê duyệt theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 ngày 2/4/2016.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

Ngày 18/11/2016, Ủy ban chứng khoán Nhà nước thông báo đã nhận được Báo cáo kết quả chào bán cổ phiếu ra công chúng của công ty. Theo đó công ty đã thực hiện phát hành thêm 2.034.913 cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu tại ngày chốt danh sách cổ đông theo phương thức thực hiện quyền mua. Tỷ lệ quyền mua cho cổ đông hiện hữu là 100:125, nghĩa là tại ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền, cổ đông sở hữu 100 cổ phiếu sẽ được hưởng quyền mua 125 cổ phiếu phát hành thêm. Phương án này được phê duyệt theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 ngày 2/4/2016. Giá chào bán mỗi cổ phiếu là 15.000 đồng.

Việc phát hành cổ phiếu trên được hoàn tất vào tháng 11/2016 với tổng số cổ phiếu được phát hành thêm năm 2016 là 2.892.910 cổ phiếu, nâng tổng số cổ phiếu của công ty lên thành 5.092.910 cổ phiếu. Theo đó vốn điều lệ được tăng từ 22.000.000.000 đồng lên thành 50.929.100.000 đồng.

6. Các khoản bất thường và sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Theo Quyết định số 438/QĐ-HĐQT ngày 15/2/2017 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Thiết bị điện Cẩm Phả, Ông Vương Hải Sơn được giao giữ chức vụ Giám đốc, và là người đại diện theo pháp luật của công ty thay Ông Vũ Huy Hoàng kể từ ngày 16/02/2017.

Ngoài ra, đến ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty cho rằng không có sự kiện nào có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty bị phản ánh sai lệch.

7. Công ty kiểm toán

Công ty TNHH PKF Việt Nam đã được chỉ định là kiểm toán viên thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Công ty.

8. Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính và đảm bảo Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính vào ngày 31/12/2016 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty. Để lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc Công ty được yêu cầu:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Hội đồng quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp;

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN CẨM PHẢ

Địa chỉ: Số 822 đường Trần Phú, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và nhận thấy không có vấn đề bất thường xảy ra có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của doanh nghiệp.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty và đảm bảo Báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho các tài sản và đã thực hiện các biện pháp phù hợp để ngăn ngừa và phát hiện sai sót và các trường hợp vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty xác nhận rằng Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2016 của Công ty đã được lập theo đúng các yêu cầu nêu trên.

Ngoài ra, Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC, ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Ý kiến của Ban Giám đốc

Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty, Báo cáo tài chính đã được kiểm toán (đính kèm) đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày và được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Quảng Ninh, ngày 03 tháng 03 năm 2017

THAY MẶT BAN GIÁM ĐỐC



Vương Hải Sơn

Giám đốc

Số: 08 /2017/BCKT-PKF.VPC

Hà Nội, ngày 03 tháng 03 năm 2017

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc****Công ty Cổ phần Thiết bị điện Cẩm Phả**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Công ty Cổ phần Thiết bị điện Cẩm Phả được lập ngày 3 tháng 3 năm 2017, bao gồm: Bảng cân đối kế toán vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày từ trang 8 đến trang 35 kèm theo.

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán này không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Thiết bị điện Cẩm Phả chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Thiết bị điện Cẩm Phả có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty Cổ phần Thiết bị điện Cẩm Phả, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Đại diện cho Công ty TNHH PKF Việt Nam



Nguyễn Như Tiên

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0449-2015-242-1

Hoàng Văn Anh

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 2917-2015-242-1



CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN CẨM PHẢ

Địa chỉ: Số 822 đường Trần Phú, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		232.742.744.051	156.770.473.416
Tiền và các khoản tương đương tiền	110		2.720.511.984	968.213.329
Tiền	111	5.1	2.720.511.984	968.213.329
Các khoản tương đương tiền	112		-	-
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		121.125.930.331	106.331.064.352
Phải thu ngắn hạn khách hàng	131	5.2	120.176.904.105	105.451.055.607
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		1.267.302.306	181.860.547
Các khoản phải thu khác	136	5.3	924.927.672	1.406.495.727
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.4	(1.243.203.752)	(708.347.529)
Hàng tồn kho	140		107.171.517.828	49.457.874.264
Hàng tồn kho	141	5.5	111.250.404.432	53.422.330.738
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(4.078.886.604)	(3.964.456.474)
Tài sản ngắn hạn khác	150		1.724.783.908	13.321.471
Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.682.129.126	-
Thuế và các khoản phải thu Nhà Nước	153	5.11	42.654.782	13.321.471
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		23.607.250.486	17.046.377.696
Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
Tài sản cố định	220		19.005.592.702	6.260.605.439
TSCĐ hữu hình	221	5.8	19.005.592.702	6.260.605.439
- Nguyên giá	222		108.506.699.138	92.271.398.445
- Giá trị khấu hao lũy kế	223		(89.501.106.436)	(86.010.793.006)
TSCĐ vô hình	227		-	-
Bất động sản đầu tư	230		-	-
Tài sản dở dang dài hạn	240	5.7	1.069.351.622	10.494.886.018
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		1.069.351.622	10.494.886.018
Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
Tài sản dài hạn khác	260		3.532.306.162	290.886.239
Chi phí trả trước dài hạn	261	5.6	3.532.306.162	290.886.239
Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		256.349.994.537	173.816.851.112

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN CẨM PHẢ

Địa chỉ: Số 822 đường Trần Phú, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
NỢ PHẢI TRẢ	300		191.913.441.124	140.295.709.399
Nợ ngắn hạn	310		166.015.943.181	124.719.422.646
Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.10	82.479.841.891	36.664.651.190
Người mua trả tiền trước	312		4.297.667.420	64.490.420
Thuế và khoản phải nộp Nhà nước	313	5.11	41.962.155	1.814.869.100
Phải trả người lao động	314		13.846.669.859	12.381.789.703
Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	-
Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
Phải trả phải nộp ngắn hạn khác	319	5.12	11.942.021.278	9.544.641.202
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.9	45.424.075.175	58.009.320.853
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	5.13	5.873.800.065	5.208.660.045
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		2.109.905.338	1.031.000.133
Nợ dài hạn	330		25.897.497.943	15.576.286.753
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.9	7.168.700.596	9.214.767.596
<i>Vay dài hạn</i>			<i>7.168.700.596</i>	<i>9.214.767.596</i>
Dự phòng phải trả dài hạn	342		18.728.797.347	6.361.519.157
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		64.436.553.413	33.521.141.713
Vốn chủ sở hữu	410	5.14	64.820.403.833	33.855.194.914
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		50.929.100.000	22.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		50.929.100.000	22.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
Thặng dư vốn cổ phần	412		10.095.019.545	-
Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	4.020.885.534
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
Quỹ đầu tư phát triển	418		3.796.284.288	7.834.309.380
Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		(383.850.420)	(334.053.201)
Nguồn kinh phí	431		(383.850.420)	(334.053.201)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		256.349.994.537	173.816.851.112

Quảng Ninh, ngày 03 tháng 03 năm 2017

NGƯỜI LẬP BIỂU

PHỤ TRÁCH PHÒNG KẾ TOÁN

GIÁM ĐỐC



PHAM THI LAN

NGUYỄN THỊ LÀI

ĐỀ TOÁN GIÁM ĐỐC

CÔNG TY
CỔ PHẦN
THIẾT BỊ ĐIỆN
CẨM PHẢ

M.S.D. 1700353419
TP. CẨM PHẢ - T. QUẢNG NINH

VIỆT NAM

VƯƠNG HẢI SƠN

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN CẨM PHẢ

Địa chỉ: Số 822 đường Trần Phú, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	372.036.121.665	238.390.535.751
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.2	-	11.194.669.628
Doanh thu thuần từ bán hàng hoá và cung cấp dịch vụ	10		372.036.121.665	227.195.866.123
Giá vốn hàng bán và dịch vụ	11	6.3	314.676.850.334	183.985.854.700
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		57.359.271.331	43.210.011.423
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.4	300.308.648	194.807.107
Chi phí tài chính	22	6.5	4.589.449.160	2.876.721.527
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		4.399.074.037	2.634.215.026
Chi phí bán hàng	24	6.8	17.242.994.191	10.558.248.413
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	6.8	28.403.802.620	21.946.965.062
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		7.423.334.008	8.022.883.528
Thu nhập khác	31	6.6	149.941.048	947.314.587
Chi phí khác	32	6.7	722.737.886	3.323.963.947
Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(572.796.838)	(2.376.649.360)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		6.850.537.170	5.646.234.168
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.10	1.548.635.591	1.988.098.809
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60		5.301.901.579	3.658.135.359
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.11	1.210	1.012

Quảng Ninh, ngày 03 tháng 03 năm 2017

NGƯỜI LẬP BIỂU

PHỤ TRÁCH PHÒNG KẾ TOÁN

GIÁM ĐỐC






PHẠM THỊ LAN

NGUYỄN THỊ LẠI

VƯƠNG HẢI SƠN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (theo phương pháp gián tiếp)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2016	Năm 2015
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	01	6.850.537.170	5.646.234.168
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	3.421.313.430	2.665.110.303
Các khoản dự phòng	03	12.383.131.857	(1.437.342.936)
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	36.879.008	43.855.746
Lãi lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(34.706.569)	(21.963.061)
Chi phí lãi vay	06	4.399.074.037	2.634.215.026
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	27.056.228.933	9.530.109.246
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09	(16.375.812.863)	(24.423.451.647)
(Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10	(57.828.073.694)	(17.882.148.073)
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả (Không bao gồm lãi vay phải trả và thuế TNDN phải nộp)	11	49.382.404.552	31.176.571.896
(Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12	(3.241.419.923)	88.839.838
Tiền lãi vay đã trả	14	(4.399.074.037)	(2.755.187.248)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(2.220.246.015)	(1.500.313.671)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	1.364.045.521	3.303.378.614
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(881.131.033)	(2.805.424.626)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(7.143.078.559)	(5.267.625.671)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và TS DH khác	21	(4.463.368.477)	(12.922.342.326)
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	34.706.569	21.963.061
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(4.428.661.908)	(12.900.379.265)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ phát hành CP, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	30.523.695.000	-
Tiền thu từ đi vay	33	301.261.904.774	175.119.013.753
Tiền trả nợ gốc vay	34	(315.893.217.452)	(153.521.481.710)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(2.569.591.200)	(5.004.471.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	13.322.791.122	16.593.061.043
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM	50	1.751.050.655	(1.574.943.893)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	968.213.329	2.542.835.398
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	1.248.000	321.824
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	2.720.511.984	968.213.329

NGƯỜI LẬP BIỂU

PHỤ TRÁCH PHÒNG KẾ TOÁN

Quảng Ninh, ngày 03 tháng 03 năm 2017

GIÁM ĐỐC

PHẠM THỊ LAN

NGUYỄN THỊ LÀI

VƯƠNG HẢI SƠN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty cổ phần Thiết bị điện Cẩm Phả được đổi tên từ công ty cổ phần Thiết bị điện - Vinacomin, là công ty được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước theo Quyết định số 2065/QĐ-BCN ngày 9/8/2006 của Bộ trưởng bộ Công nghiệp.

Công ty được sở kế hoạch đầu tư tỉnh Quảng Ninh cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2203000751 đăng ký lần đầu ngày 2/1/2007. Trong quá trình hoạt động các nội dung thay đổi về cổ đông sáng lập, người đại diện theo pháp luật của công ty, mã số doanh nghiệp đã được sở kế hoạch đầu tư Quảng Ninh lần lượt chứng thực tại các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần với mã doanh nghiệp 5700353419 thay đổi lần lần thứ nhất ngày 9/12/2009 đến lần thứ 8 ngày 9/12/2016, theo đó vốn điều lệ của Công ty là 50.929.100.000 VND được chia thành 50.929.100 cổ phần.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là thiết kế, chế tạo và lắp đặt máy biến áp điện lực, biến áp đo lường, cầu dao, tủ, bảng điện, máy cắt và các thiết bị điện khác có hiệu điện thế đến 220KV.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có trụ sở tại: Số 822 đường Trần Phú, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh.

Đến ngày 31/12/2016, tổng số cán bộ nhân viên Công ty là 350 người, trong đó số cán bộ quản lý là 82 người.

2 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Báo cáo tài chính được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

3 NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm dương lịch.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

4 TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN QUAN TRỌNG

Công ty áp dụng chế độ kế toán Doanh nghiệp được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ tài chính, Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18/05/2015 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung điều 128 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 Hướng dẫn để độ kế toán doanh nghiệp.

4.1. Ước tính kế toán

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2016 của Công ty tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn).

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

4.3. Các giao dịch ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng đồng tiền khác ngoài đồng Việt Nam (VND) được chuyển đổi thành đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá đã thực hiện phát sinh trong năm tài chính được ghi nhận vào chi phí hoặc doanh thu hoạt động tài chính trong năm tài chính.

Số dư các tài sản bằng tiền, tương đương tiền và công nợ có gốc là ngoại tệ vào ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch của các ngân hàng thương mại có tài khoản giao dịch tại ngày kết thúc năm tài chính.

Khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí hoặc doanh thu hoạt động tài chính trong năm tài chính theo chuẩn mực kế toán số 10 "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái".

4.4. Nợ phải thu

Các khoản phải thu trình bày trong Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ phải thu từ khách hàng của Công ty và các khoản phải thu khác cộng với dự phòng nợ phải thu khó đòi. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán từ 01 năm trở xuống (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn;
- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán trên 01 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn;

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu vào ngày kết thúc năm tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc các khoản phải thu mà khách nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự (không bao gồm những khách

13440
CÔNG
TRÌNH
PK
VIỆT
XUẤT

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

hàng đã quá hạn trên nhưng đang tiến hành thanh toán hoặc có cam kết thanh toán trong thời gian tới).

4.5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận là giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ: Nhập trước xuất trước
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được xác định căn cứ vào chi phí nguyên vật liệu và chi phí nhân công trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung theo định mức hoạt động bình thường.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho các vật tư, hàng hóa tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 02 "Hàng tồn kho" và Thông tư số 228/2009/TT - BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp.

4.6. Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Công ty chỉ có Tài sản cố định hữu hình.

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử. Các chi phí nâng cấp tài sản cố định hữu hình được vốn hóa, ghi tăng nguyên giá tài sản cố định; các chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định hữu hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ hữu hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Thời gian trích khấu hao tài sản cố định hữu hình của công ty như sau:

- Nhà cửa vật kiến trúc: từ 6 đến 20 năm

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

- Máy móc thiết bị: từ 6 đến 20 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn: từ 6 đến 10 năm
- Dụng cụ quản lý: từ 3 đến 10 năm.

4.7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu bao gồm công cụ dụng cụ, chi phí sửa chữa lớn phân bổ nhiều kỳ. Chi phí trả trước sẽ được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh trong thời gian hợp lý kể từ khi phát sinh.

4.8. Nợ phải trả

Các khoản phải trả trình bày trong Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ phải trả từ nhà cung cấp của Công ty và các khoản phải trả khác và được chi tiết cho từng đối tượng phải trả. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán từ 01 năm trở xuống (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là ngắn hạn;
- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán trên 01 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là dài hạn;

4.9. Chi phí đi vay và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm các khoản lãi tiền vay, các khoản chi phí khác phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động tài chính trong kỳ trừ trường hợp các khoản chi phí đi vay đó được tính vào (vốn hóa) giá trị tài sản do có liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng, mua sắm tài sản hoặc sản xuất các tài sản dở dang khi có đủ điều kiện vốn hóa theo quy định tại chuẩn mực chi phí đi vay.

Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết và sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán ra đã hoàn thành. Chi phí đi vay phát sinh sau đó sẽ được ghi nhận là chi phí hoạt động kinh doanh trong năm tài chính.

Chi phí đi vay được vốn hóa trong kỳ tài chính không được vượt quá tổng số chi phí đi vay phát sinh trong kỳ tài chính. Các khoản lãi tiền vay và khoản phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội được vốn hóa trong từng năm không vượt quá số lãi vay thực tế phát sinh và số phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội trong năm tài chính đó.

4.10. Dự phòng phải trả

Nguyên tắc ghi nhận dự phòng phải trả: Dự phòng phải trả được ghi nhận khi thoả mãn các điều kiện sau:

- Doanh nghiệp có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra;
- Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ và đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Khoản dự phòng phải trả được lập tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Trường hợp số dự phòng phải trả cần lập ở năm kế toán này lớn hơn số dự phòng phải trả đã lập ở năm kế

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

toán trước chưa sử dụng hết thì số chênh lệch được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm kế toán đó. Trường hợp số dự phòng phải trả lập ở năm kế toán này nhỏ hơn số dự phòng phải trả đã lập ở năm kế toán trước chưa sử dụng hết thì số chênh lệch phải được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh của năm kế toán đó.

Dự phòng phải trả của Công ty là khoản dự phòng bảo hành sản phẩm đã bán được Công ty cam kết bảo hành tại hợp đồng bán hàng.

4.12 Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư ban đầu của Công ty được ghi nhận theo giá trị vốn góp của các bên góp vốn khi được chuyển đổi thành Công ty cổ phần. Trong quá trình hoạt động, vốn đầu tư của Công ty được ghi nhận tăng lên theo giá trị vốn góp tăng lên của các cổ đông.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần thay đổi lần thứ 8 ngày 9/12/2016, vốn điều lệ của Công ty là 50.929.100.000 VND được chia thành 50.929.100 cổ phần, chi tiết các cổ đông nắm giữ tại ngày 31/12/2016 như sau:

TT	Tên cổ đông	Số cổ phần	Thực góp tại ngày 31/12/2016	Tỷ lệ nắm giữ
1	Bà Nguyễn Thị Nhung	13.564.050	13.564.050.000	26,6%
2	Ông Nguyễn Thành Biên	11.616.000	11.616.000.000	22,8%
3	Ông Nguyễn Sơn Tùng	10.454.400	10.454.400.000	20,5%
4	Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam	7.951.770	7.951.770.000	15,6%
5	Các cổ đông khác	7.342.880	7.342.880.000	14,4%
Cộng		50.929.100	50.929.100.000	100%

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể chia cho các bên góp vốn sau khi được thông qua bởi Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông tại Cuộc họp cổ đông thường niên. Cổ tức được chia từ lợi nhuận chưa phân phối dựa trên tỷ lệ góp vốn của từng cổ đông.

4.13 Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

- Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua và hàng hóa đã được giao cho người mua và được chấp nhận của khách hàng.
- Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích đã được chuyển giao cho khách hàng, dịch vụ đã được cung cấp và được khách hàng chấp nhận. Doanh thu dịch vụ tư vấn được ghi nhận trên cơ sở giá trị hoá đơn tài chính được phát hành, biên bản nghiệm thu khối lượng công việc hoàn thành và được khách hàng chấp nhận thanh toán.
- Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi được xác định trên cơ sở dồn tích dựa trên số dư các khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

4.14 Chi phí hoạt động tài chính

Chi phí hoạt động tài chính của Công ty bao gồm các khoản chi phí lãi tiền vay không được vốn hoá theo quy định.

4.15 Thuế

Thuế Giá trị gia tăng (GTGT):

Hàng hoá và dịch vụ do Công ty sản xuất và cung cấp chịu thuế suất thuế GTGT 10%

Thuế Thu nhập Doanh nghiệp (TNDN):

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty áp dụng mức thuế suất 20%.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") trong năm, nếu có, bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm với thuế suất áp dụng trong năm tài chính. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa kế toán thuế và kế toán tài chính cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập hay chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Các loại thuế khác: theo quy định hiện hành của Việt Nam.

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Theo đó, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

4.16 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông với số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN CẨM PHẢ

Địa chỉ: Số 822 đường Trần Phú, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

5 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

		31/12/2016 (VND)	01/01/2016 (VND)
Tiền mặt tại quỹ	(i)	196.167.465	66.035.083
Tiền gửi ngân hàng	(ii)	2.524.344.519	902.178.246
Cộng		2.720.511.984	968.213.329
(i) Số dư tiền mặt tại quỹ vào ngày 31/12/2016 bao gồm:			
	Nguyên tệ		VND
VND			141.471.465
USD	2,400 #		54.696.000
Cộng			196.167.465
(ii) Số dư tiền gửi ngân hàng tại ngày 31/12/2016 bao gồm:			
	Nguyên tệ		VND
Đồng Việt Nam (VND)			2.517.511.025
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam			2.229.987.097
Ngân hàng TMCP Hàng Hải			3.504.809
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển			14.079.442
Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex			34.306.858
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam			235.632.819
Ngoại tệ (USD)			6.833.494
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	300,77 #		6.833.494
Cộng			2.524.344.519

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN CẨM PHẢ

Địa chỉ: Số 822 đường Trần Phú, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

5.2 Phải thu khách hàng

	31/12/2016 (VND)	01/01/2016 (VND)
a. Phải thu của khách hàng ngắn hạn	120.176.904.105	105.451.055.607
Tổng công ty điện lực Miền Bắc	-	13.680.284.320
Tổng công ty điện lực Hà Nội	33.768.430.000	-
Tổng công ty điện lực Miền Trung	36.856.710.000	54.083.650.000
Công ty CP điện tử và tin học Việt Nam	561.829.000	2.223.658.000
Công ty Điện lực Bắc Giang	2.803.386.364	-
Ban Quản Lý DALĐ - NPC	35.275.200.000	5.450.800.000
Khách hàng khác	10.911.348.741	30.012.663.287
b. Phải thu của khách hàng dài hạn	-	-
Cộng	120.176.904.105	105.451.055.607

5.3 Phải thu khác

	31/12/2016 (VND)		01/01/2016 (VND)	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a. Ngắn hạn	924.927.672	-	1.406.495.657	-
Phải thu tạm ứng	737.668.248	-	1.142.490.428	-
Phải thu khác	187.259.424	-	264.005.229	-
b. Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	924.927.672	-	1.406.495.657	-

5.4 Nợ xấu

	31/12/2016 (VND)		01/01/2016 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị có thẻ thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thẻ thu hồi
Công ty Cơ khí TM Tuấn Việt	138.347.529	-	138.347.529	-
Tập đoàn đầu tư TMCN Việt Á	570.000.000	-	570.000.000	-
Công ty Than Khe Chàm	15.459.840	-	-	-
Công ty Than Dương Huy	82.637.292	-	-	-
Công ty CP Chế tạo máy	155.844.591	-	-	-
TCT Cổ phần điện tử tin học VN	280.914.500	-	-	-
Cộng	1.243.203.752	-	708.347.529	-

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN CẨM PHẢ

Địa chỉ: Số 822 đường Trần Phú, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

5.5 Hàng tồn kho

	31/12/2016 (VND)		01/01/2016 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi đường	-	-	-	-
Nguyên liệu, vật liệu	17.194.325.311	(4.078.886.604)	11.297.584.632	(3.964.456.474)
Công cụ dụng cụ	137.559.094	-	52.252.475	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	60.133.443.582	-	32.835.758.467	-
Thành phẩm	33.785.076.445	-	9.236.735.164	-
Hàng hóa	-	-	-	-
Cộng	111.250.404.432	(4.078.886.604)	53.422.330.738	(3.964.456.474)

5.6 Chi phí trả trước

	31/12/2016 (VND)	01/01/2016 (VND)
a. Ngắn hạn	-	-
Phân bổ công cụ dụng cụ	-	-
b. Dài hạn	3.532.306.162	290.886.239
Chi phí sửa chữa lớn phân bổ nhiều kỳ	3.532.306.162	290.886.239
Cộng	3.532.306.162	290.886.239

5.7 Tài sản dở dang dài hạn

	31/12/2016 (VND)		01/01/2016 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
a. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	-	-	-	-
b. Xây dựng cơ bản dở dang	1.069.351.622	-	10.494.886.018	-
- Mua sắm	-	-	-	-
- XDCB	1.069.351.622	-	10.494.886.018	-
- Sửa chữa	-	-	-	-
Cộng	1.069.351.622	-	10.494.886.018	-

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN CẨM PHẢ

Địa chỉ: Số 822 đường Trần Phú, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

5.8 Tăng giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, trang thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	TSCĐ khác VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ						
Số dư đầu năm	25.596.674.710	43.440.144.514	7.847.018.571	1.576.172.227	13.811.388.423	92.271.398.445
- Mua trong năm	-	-	-	-	-	-
- Đầu tư XDCB hoàn thành	10.901.054.673	4.005.429.656	1.328.816.364	-	-	16.235.300.693
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	36.497.729.383	47.445.574.170	9.175.834.935	1.576.172.227	13.811.388.423	108.506.699.138
GIÁ TRỊ HAO MÒN						
Số dư đầu năm	22.964.555.785	40.149.255.987	7.744.667.218	1.340.925.593	13.811.388.423	86.010.793.006
- Khấu hao trong năm	1.942.821.097	718.127.063	760.699.266	68.666.004	-	3.490.313.430
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	24.907.376.882	40.867.383.050	8.505.366.484	1.409.591.597	13.811.388.423	89.501.106.436
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày đầu năm	2.632.118.925	3.290.888.527	102.351.353	235.246.634	-	6.260.605.439
Tại ngày cuối năm	11.590.352.501	6.578.191.120	670.468.451	166.580.630	-	19.005.592.702

Nguyên giá tài sản cố định hết khấu hao vẫn đang còn sử dụng:

77.177.284.998



CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN CẨM PHẢ

Địa chỉ: Số 822 đường Trần Phú, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

5.9 Vay và nợ thuê tài chính

	01/01/2016 (VND)		Tăng trong năm	Giảm trong năm	31/12/2016 (VND)	
	Giá trị	Khả năng trả nợ			Giá trị	Khả năng trả nợ
a. Gốc vay ngắn hạn						
NH Vietinbank - CN Quảng Ninh	56.986.287.353	56.986.287.353	293.317.714.774	306.925.993.952	43.378.008.175	43.378.008.175
NH TMCP Đầu tư và Phát triển Cẩm Phả	23.796.332.003	23.796.332.003	87.043.365.005	100.171.765.643	10.667.931.365	10.667.931.365
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	9.155.695.654	9.155.695.654	39.990.240.975	49.145.936.629	-	-
	24.034.259.696	24.034.259.696	166.284.108.794	157.608.291.680	32.710.076.810	32.710.076.810
b. Gốc vay dài hạn	10.237.801.096	10.237.801.096	7.944.190.000	8.967.223.500	9.214.767.596	9.214.767.596
Từ trên 5 năm đến 10 năm	10.237.801.096	10.237.801.096	7.944.190.000	8.967.223.500	9.214.767.596	9.214.767.596
NH TMCP Xăng dầu PG Quảng Ninh (*)	10.237.801.096	10.237.801.096	7.944.190.000	8.967.223.500	9.214.767.596	9.214.767.596
Cộng	67.224.088.449	67.224.088.449	301.261.904.774	315.893.217.452	52.592.775.771	52.592.775.771

c Phân loại vay dài hạn đến hạn trả

	01/01/2016 (VND)		Giá trị	Khả năng trả nợ	31/12/2016 (VND)	
	Giá trị	Khả năng trả nợ			Giá trị	Khả năng trả nợ
Ngân hàng TMCP xăng dầu PG QN	1.023.033.500	1.023.033.500	2.046.067.000	2.046.067.000		
d Số dư tại thời điểm lập báo cáo tài chính						
d1 Vay và nợ ngắn hạn (d1 = a+c)	58.009.320.853	58.009.320.853	45.424.075.175	45.424.075.175		
d2 Vay và nợ dài hạn (d2 = b-c)	9.214.767.596	9.214.767.596	7.168.700.596	7.168.700.596		

(*) Khoản vay Ngân hàng Xăng Dầu đang dùng giá trị quyền sử dụng đất để thế chấp

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN CẨM PHẢ

Địa chỉ: Số 822 đường Trần Phú, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

5.10 Phải trả người bán

	31/12/2016 (VND)		01/01/2016 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	82.479.841.891	82.479.841.891	36.664.651.190	36.664.651.190
Công ty cổ phần TAS	39.407.536.815	39.407.536.815	9.085.293.250	9.085.293.250
Công ty TNHH MTV thiết bị lưới điện - EEMC	14.613.438.510	14.613.438.510	-	-
Chi nhánh công ty cổ phần Ngô Han tại Hà Nội	7.788.666.667	7.788.666.667	-	-
DONGXINH CITY JIANHUA TRANDE CO, LTD	3.073.058.660	3.073.058.660	-	-
Công ty CP thép và vật liệu hàn HBO	2.966.491.448	2.966.491.448	-	-
CT CP ứng dụng và PT công nghệ thông tin- CN tại HP	1.071.719.467	1.071.719.467	2.101.000.000	2.101.000.000
Khách hàng khác	13.558.930.324	13.549.837.918	25.478.357.940	25.478.357.940
b. Các khoản phải trả người bán dài hạn	-	-	-	-
Cộng	82.479.841.891	82.479.841.891	36.664.651.190	36.664.651.190

33134
CÔ
ÁCH N
P
VIỆ
H X

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN CẨM PHẢ

Địa chỉ: Số 822 đường Trần Phú, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

5.11 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	01/01/2016 (VND)	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2016 (VND)
a. Phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng hàng bán nội địa	1.101.296.521	3.998.930.134	5.100.226.655	-
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	7.109.883.460	7.109.883.460	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	885.964.181	885.964.181	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	713.572.579	1.548.635.591	2.220.246.015	41.962.155
Thuế thu nhập cá nhân	-	-	-	-
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	184.788.992	184.788.992	-
Các loại thuế khác	-	100.675.800	100.675.800	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	-	-
Cộng	1.814.869.100	13.828.878.158	15.601.785.103	41.962.155
b. Phải thu				
Thuế giá trị gia tăng hàng bán nội địa	-	-	-	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	-	-
Thuế thu nhập cá nhân	13.321.471	80.666.689	110.000.000	42.654.782
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	-
Các khoản khác	-	-	-	-
Cộng	13.321.471	80.666.689	110.000.000	42.654.782

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN CẨM PHẢ

Địa chỉ: Số 822 đường Trần Phú, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

5.12 Phải trả khác

	31/12/2016 (VND)	01/01/2016 (VND)
a. Ngắn hạn	11.942.021.278	9.544.641.202
Kinh phí công đoàn	-	60.182.363
Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm Y tế	-	-
Các khoản phải trả phải nộp khác (i)	11.942.021.278	9.484.458.839
b. Dài hạn	-	-
Cộng	11.942.021.278	9.544.641.202
(i) Các khoản phải trả phải nộp khác tại 31/12/2016:		
- Cổ tức phải trả		3.565.037.000
- Kinh phí dự án Actomat, khởi động từ phòng nổ (trả Tập đoàn)		3.150.000.000
- Kinh phí đề tài máy biến áp phòng nổ (trả Tập đoàn)		3.743.000.000
- Các khoản phải trả phải nộp khác		1.483.984.278
Cộng		11.942.021.278

5.13 Dự phòng phải trả

	31/12/2016 (VND)	01/01/2016 (VND)
a. Ngắn hạn	5.873.800.065	5.208.660.045
Dự phòng bảo hành sản phẩm	5.873.800.065	5.208.660.045
b. Dài hạn	18.728.797.347	6.361.519.157
Dự phòng bảo hành sản phẩm	18.728.797.347	6.361.519.157
Cộng	24.602.597.412	11.570.179.202

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN CẨM PHẢ

Địa chỉ: Số 822 đường Trần Phú, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

5.14 Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Quỹ DT PT VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm trước	22.000.000.000	-	4.020.885.534	7.478.752.635	-	33.499.638.169
- Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-
- Lãi năm trước	-	-	-	-	3.658.135.359	3.658.135.359
- Tăng khác	-	-	-	355.556.745	-	355.556.745
- Lỗ năm trước	-	-	-	-	-	-
- Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	(3.658.135.359)	(3.658.135.359)
Số dư cuối năm trước/đầu năm này	22.000.000.000	-	4.020.885.534	7.834.309.380	-	33.855.194.914
- Tăng vốn trong năm nay	28.929.100.000	10.095.019.545	-	-	-	39.024.119.545
- Lãi trong năm nay	-	-	-	-	5.301.901.579	5.301.901.579
- Tăng khác	-	-	-	521.059.374	-	521.059.374
- Giảm vốn trong năm nay	-	-	-	-	-	-
- Lỗ trong năm nay	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	(4.020.885.534)	(4.559.084.466)	(5.301.901.579)	(13.881.871.579)
Số dư cuối năm	50.929.100.000	10.095.019.545	-	3.796.284.288	-	64.820.403.833

Vào thời điểm kết thúc năm tài chính, Công ty đang tạm phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết số 474/2017/NQ-HĐQT ngày 02/3/2017 của Hội đồng quản trị.

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN CẨM PHẢ

Địa chỉ: Số 822 đường Trần Phú, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2016 (VND)	01/01/2016 (VND)
Vốn đầu tư của Nhà nước	7.951.770.000	5.720.000.000
Vốn đầu tư của cổ đông	42.977.330.000	16.280.000.000
Cộng	50.929.100.000	22.000.000.000

Số lượng cổ phiếu quỹ: 0 Cổ phiếu

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2016 (VND)	Năm 2015 (VND)
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	22.000.000.000	22.000.000.000
Vốn đầu tư đầu năm	22.000.000.000	-
Vốn đầu tư tăng trong năm	28.929.100.000	-
Vốn đầu tư giảm trong năm	-	-
Vốn đầu tư cuối năm	50.929.100.000	22.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	3.565.037.000	2.640.000.000

Cổ phiếu

	31/12/2016	01/01/2016
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.092.910	2.200.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.092.910	2.200.000
Cổ phiếu phổ thông	5.092.910	2.200.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.092.910	2.200.000
Cổ phiếu phổ thông	5.092.910	2.200.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND

5.15 Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

	31/12/2016 (VND)	01/01/2016 (VND)
Ngoại tệ các loại (USD)	2.700.77	300.77
Nợ khó đòi đã xử lý	4.278.014.286	4.278.014.286

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN CẨM PHẢ

Địa chỉ: Số 822 đường Trần Phú, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

6 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**6.1 Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2016 (VND)	Năm 2015 (VND)
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp DV	372.036.121.665	238.390.535.751
Doanh thu bán hàng	345.720.570.064	197.925.850.988
Doanh thu cung cấp dịch vụ	26.315.551.601	40.464.684.763

6.2 Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm 2016 (VND)	Năm 2015 (VND)
Tổng các khoản giảm trừ doanh thu	-	11.194.669.628
Chiết khấu thương mại	-	-
Giảm giá hàng bán	-	219.799.628
Hàng hóa bị trả lại	-	10.974.870.000

6.3 Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

	Năm 2016 (VND)	Năm 2015 (VND)
Giá vốn hàng hoá đã bán	296.716.841.609	164.658.549.415
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	17.845.578.595	19.862.014.817
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	114.430.130	(534.709.532)
Cộng	314.676.850.334	183.985.854.700

6.4 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2016 (VND)	Năm 2015 (VND)
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	34.706.569	21.963.061
Lãi chênh lệch tỷ giá	265.602.079	172.844.046
Cộng	300.308.648	194.807.107

6.5 Chi phí hoạt động tài chính

	Năm 2016 (VND)	Năm 2015 (VND)
Lãi tiền vay	4.399.074.037	2.634.215.026
Lỗ chênh lệch tỷ giá	190.375.123	242.506.501
Cộng	4.589.449.160	2.876.721.527

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN CẨM PHẢ

Địa chỉ: Số 822 đường Trần Phú, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

6.6 Thu nhập khác

	Năm 2016 (VND)	Năm 2015 (VND)
Phạt vi phạm hợp đồng	119.541.345	-
Hỗ trợ sự cố	-	700.000.000
Các khoản khác	30.399.703	247.314.587
Cộng	149.941.048	947.314.587

6.7 Chi phí khác

	Năm 2016 (VND)	Năm 2015 (VND)
Các khoản phạt	709.040.786	122.704.047
Phải trả về đề án NCKH năm 2013	-	3.150.000.000
Các khoản khác	13.697.100	51.259.900
Cộng	722.737.886	3.323.963.947

6.8 Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2016 (VND)	Năm 2015 (VND)
a. Chi phí quản lý doanh nghiệp	28.403.802.620	21.946.965.062
Chi phí nhân viên	15.989.498.387	11.494.495.933
Các khoản khác	12.414.304.233	10.452.469.129
b. Chi phí bán hàng	17.242.994.191	10.558.248.413
Chi phí nhân viên	1.007.316.445	894.255.049
Các khoản khác	16.235.677.746	9.663.993.364
c. Các khoản ghi giảm chi phí bán hàng và Chi phí quản lý doanh nghiệp	-	-
Cộng	45.646.796.811	32.505.213.475

6.9 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2016 (VND)	Năm 2015 (VND)
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	323.672.957.068	165.956.136.872
Chi phí nhân công	44.231.349.030	39.028.333.610
Chi phí khấu hao TSCĐ	3.421.313.430	2.665.110.303
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.758.643.051	4.226.831.110
Chi phí khác bằng tiền	29.076.851.321	15.283.814.453
Cộng	411.161.113.900	227.160.226.348

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN CẨM PHẢ

Địa chỉ: Số 822 đường Trần Phú, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

6.10 Chi phí tính thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2016 (VND)	Năm 2015 (VND)
Chi phí tính thuế thu nhập doanh nghiệp trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành		
- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	6.850.537.170	5.646.234.168
- Các khoản điều chỉnh tăng (giảm) lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN	892.640.786	3.390.578.599
- Tổng thu nhập chịu thuế	7.743.177.956	9.036.812.767
- Chuyển lỗ năm trước	-	-
- Thu nhập tính thuế	7.743.177.956	9.036.812.767
- Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	22%
- Chi phí thuế TNDN hiện hành	1.548.635.591	1.988.098.809
Cộng	1.548.635.591	1.988.098.809

6.11 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2016 (VND)	Năm 2015 (VND)
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	5.301.901.579	3.658.135.359
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông		
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông.	4.086.096.374	3.095.556.745
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	3.375.778	3.057.997
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.210	1.012

7 NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**7.1 Công cụ tài chính**

Công ty chịu các rủi ro sau khi sử dụng các công cụ tài chính: rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm chung đối với việc thiết lập và giám sát nguyên tắc quản lý rủi ro tài chính. Ban Giám đốc thiết lập các chính sách nhằm phát hiện và phân tích các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các biện pháp kiểm soát rủi ro và các hạn mức rủi ro thích hợp, và giám sát các rủi ro và việc thực hiện các hạn mức rủi ro. Hệ thống và chính sách quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của các điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Ban Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

(i) **Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro về giá hàng hóa và rủi ro về giá khác.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro về giá cổ phiếu

Công ty không đầu tư cổ phiếu nên không có rủi ro về giá cổ phiếu.

(ii) **Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với tài khoản phải thu khách hàng), và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, các khoản cho vay và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

Công ty sẽ lập dự phòng giảm giá trị để phản ánh mức độ thiệt hại ước tính đối với phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư. Thành phần chính của khoản dự phòng giảm giá trị này là khoản lỗ cụ thể có liên quan đến mức độ thiệt hại cụ thể đối với từng khách hàng.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trên bản cân đối kế toán tại ngày kết thúc năm tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 5.1. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN CẨM PHẢ

Địa chỉ: Số 822 đường Trần Phú, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

(iii) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của công ty và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.

Bảng dưới đây phân tích đối với tài sản tài chính và các khoản nợ tài chính phi phái sinh vào các nhóm đáo hạn có liên quan dựa trên kỳ hạn còn lại từ ngày lập bảng cân đối kế toán đến ngày đáo hạn theo hợp đồng. Các số tiền được trình bày trong bảng sau là các luồng tiền theo hợp đồng không chiết khấu. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm	Từ 1 năm trở lên	Tổng cộng
Ngày 31/12/2016			
<i>Giá trị ghi sổ:</i>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.720.511.984	-	2.720.511.984
Phải thu khách hàng	120.176.904.105	-	120.176.904.105
Đầu tư	-	-	-
Phải thu khác	924.927.672	-	924.927.672
Tài sản tài chính khác	2.992.086.214	-	2.992.086.214
<i>Trừ:</i>			
Dự phòng phải thu khó đòi	(534.856.223)	(708.347.529)	(1.243.203.752)
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	-	-	-
Tổng cộng	126.279.573.752	(708.347.529)	125.571.226.223
Ngày 31/12/2016			
Các khoản vay và nợ	45.424.075.175	7.168.700.596	52.592.775.771
Phải trả người bán	82.479.841.891	-	82.479.841.891
Phải trả, PN khác và chi phí phải trả	36.002.120.777	18.728.797.347	54.730.918.124
Tổng cộng	163.906.037.843	25.897.497.943	189.803.535.786
Chênh lệch thanh khoản thuần	(37.626.464.091)	(26.605.845.472)	(64.232.309.563)
Ngày 01/01/2016			
<i>Giá trị ghi sổ:</i>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	968.213.329	-	968.213.329
Phải thu khách hàng	105.451.055.607	-	105.451.055.607
Đầu tư	-	-	-
Phải thu khác	269.845.340	-	269.845.340
Tài sản tài chính khác	195.182.018	-	195.182.018
<i>Trừ:</i>			
Dự phòng phải thu khó đòi	(708.347.529)	-	(708.347.529)
Dự Phòng giảm giá các khoản đầu tư	-	-	-
Tổng cộng	106.175.948.765	-	106.175.948.765

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN CẨM PHẢ

Địa chỉ: Số 822 đường Trần Phú, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

Ngày 01/01/2016

Các khoản vay và nợ	58.009.320.853	9.214.767.596	67.224.088.449
Phải trả người bán	36.664.651.190	-	36.664.651.190
Phải trả, PN khác và chi phí phải trả	23.741.300.005	11.570.179.202	35.311.479.207
Tổng cộng	118.415.272.048	20.784.946.798	139.200.218.846
Chênh lệch thanh khoản thuần	(12.239.323.283)	(20.784.946.798)	(33.219.452.099)

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn cần thiết.

(iv) Giá trị hợp lý

Giá trị ghi sổ trừ dự phòng của các khoản phải thu ngắn hạn, tiền gửi ngân hàng và các khoản phải trả người bán và phải trả khác là gần bằng với giá trị hợp lý của chúng

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	31/12/2016	01/01/2016	31/12/2016	01/01/2016
Tài sản tài chính				
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	-	-	-
Các khoản cho vay và phải thu	-	-	-	-
<i>Phải thu khách hàng</i>	120.176.904.105	105.451.055.607	120.176.904.105	105.451.055.607
<i>Các khoản PT khác</i>	924.927.672	269.845.340	924.927.672	269.845.340
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán				
<i>Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	2.720.511.984	968.213.329	2.720.511.984	968.213.329
Tổng cộng	123.822.343.761	106.689.114.276	123.822.343.761	106.689.114.276

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính				
<i>Vay và nợ</i>	52.592.775.771	67.224.088.449	67.224.088.449	67.224.088.449
<i>Phải trả người bán</i>	82.479.841.891	36.664.651.190	36.664.651.190	36.664.651.190
<i>Phải trả khác</i>	54.730.918.124	35.311.479.207	35.311.479.207	35.311.479.207
Tổng cộng	189.803.535.786	139.200.218.846	139.200.218.846	139.200.218.846

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính không được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 31/12/2016 và ngày 01/01/2016. Tuy nhiên, Ban Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của những tài sản và phải trả tài chính này không có chênh lệch trọng yếu với giá trị ghi sổ của chúng tại ngày kết thúc kỳ tài chính.

7.2 Báo cáo bộ phận

Công ty báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo các lĩnh vực hoạt động bao gồm: thiết kế, chế tạo và lắp đặt máy biến áp điện lực, biến áp đo lường, cầu dao, tủ, bảng điện, máy cắt và các thiết bị điện khác có hiệu điện thế đến 220KV, hoạt động sửa chữa các thiết bị và cung cấp các dịch vụ khác. Chi tiết kết quả hoạt động kinh doanh theo từng ngành nghề như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN CẨM PHẢ

Địa chỉ: Số 822 đường Trần Phú, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

	Doanh thu sản xuất chế tạo	Doanh thu cung cấp dịch vụ sửa chữa, khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND
Năm 2015			
Doanh thu	197.925.850.988	40.464.684.763	238.390.535.751
Các khoản giảm trừ	11.194.669.628	-	11.194.669.628
Giá vốn hàng bán	164.123.839.883	19.862.014.817	183.985.854.700
Lợi nhuận gộp	22.607.341.477	20.602.669.946	43.210.011.423
Năm 2016			
Doanh thu	345.720.570.064	26.315.551.601	372.036.121.665
Các khoản giảm trừ	-	-	-
Giá vốn hàng bán	296.831.271.739	17.845.578.595	314.676.850.334
Lợi nhuận gộp	48.889.298.325	8.469.973.006	57.359.271.331

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý (báo cáo thứ yếu): Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng tạo ra doanh thu cho bộ phận. Trong năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2016, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty phát sinh chủ yếu tại tỉnh Quảng Ninh nên Công ty không lập Báo cáo bộ phận thứ yếu (theo khu vực địa lý).

7.3 Thông tin về các bên có liên quanCác bên liên quan:

Các bên được xem là các bên có liên quan khi một bên có khả năng kiểm soát bên kia hoặc tạo ra ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong các quyết định về tài chính và kinh doanh. Trong năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2016 các chủ đầu tư vốn (cổ đông lớn) được xác định là các bên liên quan của Công ty.

Công bố thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc:

	Năm 2016 (VND)	Năm 2015 (VND)
Lương thưởng của Ban Giám đốc	1.002.532.800	671.760.000
Thù lao của Hội đồng quản trị	208.400.000	274.000.000
Cộng	1.210.932.800	945.760.000

Tiền chi trả cổ tức phát sinh năm 2016 (thực chi) cho các cổ đông lớn:

	Thực chi trong năm 2016 (VND)	Tỷ lệ nắm giữ tại 31/12/2016
Chi cho Ông Nguyễn Thành Biên	501.600.000	22,8%
Chi cho Bà Nguyễn Thị Nhung	319.542.000	26,6%
Chi cho Ông Nguyễn Sơn Tùng	451.440.000	20,5%
Cộng	1.272.582.000	69,90%